

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HC-ST

Ngày 04-01-2022

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp
thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, tái
định cư”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Cang

Bà Đỗ Thị Lại

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Đại Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa -
Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên
tòa:** Ông Trương Minh Nghị - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 12 năm 2021 và ngày 04 tháng 01 năm 2022, tại trụ
sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành
chính thụ lý số 33/2021/TLST-HC ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc “Khiếu kiện
Quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp thu hồi đất và bồi
thường, hỗ trợ, tái định cư”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
118/2021/QĐST-HC ngày 10 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị
Ngân T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số 1645/3 đường 30/4, Phường 12, thành phố V,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Quang H, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 48
đường Nguyễn Văn T, Phường 4, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hoặc ông
Đào Ngọc L, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 1655 đường 30/4, Phường 12, thành phố
V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Là đại diện theo ủy quyền, giấy ủy quyền ngày 02-11-2020 và ngày 21-6-

2021 (có mặt).

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố V.

Địa chỉ: Số 89 đường L, Phường 01, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Hoàng Thị Thanh N - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số 30B Nam Bình, Phường 12, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Đào Ngọc L, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 1655 đường 30/4, Phường 12, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Là đại diện theo ủy quyền, giấy ủy quyền ngày 21-6-2021 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 27-10-2020, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố V ban hành Quyết định số 5392/QĐ-UBND về việc thu hồi 8.643,6 m² đất do ông (bà) Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Ngân T (Nguyễn Văn H) đang sử dụng tại Phường 12 để xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu tiểu thủ công nghiệp Phước Thắng phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm trên địa bàn thành phố V (Quyết định 5392).

Cùng ngày 27-10-2020, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5400/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Ngân T (Nguyễn Văn H), do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án hạ tầng kỹ thuật khu tiểu thủ công nghiệp Phước Thắng, Phường 12, thành phố V (Quyết định 5400). Trong đó: Diện tích đất thu hồi 8.643,6 m²; diện tích đất bồi thường 00 m²; diện tích đất không bồi thường 8.643,6 m²; hỗ trợ mặt nước đang nuôi tôm 535.925.000 đồng.

Ông T, bà T không đồng ý đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định thu hồi đất số 5392.
- Hủy Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 5400.
- Buộc UBND thành phố V ban hành quyết định thu hồi đất đúng trình tự, thủ tục, đúng đối tượng. Xác định ông T, bà T là chủ thể duy nhất bị thu hồi đất, được bồi thường về đất và tất cả các khoản hỗ trợ do thu hồi đất.

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cùng trình bày:

Năm 1975, vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim A sang nhượng cho ông Cao Văn Khoai diện tích đất khoảng 2,5 mẫu bằng giấy viết tay. Đất có nguồn gốc do vợ chồng bà Kim Anh khai phá năm 1969. Năm 1976, ông Khoai sang nhượng lại phần đất này cho ông Nguyễn Văn H. Do ông H là con rể ông Khoai nên khi sang nhượng hai bên không làm giấy tờ. Năm 1991, ông H làm đơn xin khai thác sử dụng đất, được UBND Phường 11 xác nhận ngày 08-10-1991.

Năm 1994, ông H sang nhượng cho ông Nguyễn Văn Dũng diện tích đất 11.369 m². Đến năm 1997, ông H làm giấy tay sang nhượng cho ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngân T diện tích đất còn lại 12.499 m² (đất có đắp bờ rõ ràng). Ông T, bà T sử dụng đất vào việc nuôi tôm từ năm 1997 cho đến nay. Quá trình sử dụng đất ổn định, không lấn chiếm và không xảy ra tranh chấp. Ông H đóng thuế đất từ năm 1993 đến năm 1997. Bà Tâm đóng thuế đất từ năm 1998 đến năm 2013. Diện tích đất theo đo đạc thực tế là 16.002,6 m² thuộc thửa 88, số tờ bản đồ 22 tại Phường 12, thành phố V.

Khi thực hiện dự án hạ tầng kỹ thuật khu tiêu thụ công nghiệp Phước Thắng, UBND thành phố V đã thu hồi của ông T, bà T diện tích đất 8.643,6 m², thuộc một phần thửa 88. Diện tích đất thu hồi của ông T, bà T đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSDĐ) nên được bồi thường theo Điều 75 Luật đất đai năm 2013. Trường hợp không được bồi thường theo Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 thì đất của ông T, bà T cũng được bồi thường theo khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013.

Ý kiến của người bị kiện:

Diện tích đất 8.643,6 m² của ông (bà) Nguyễn Thanh T - Nguyễn Thị Ngân T có nguồn gốc mua từ ông Nguyễn Văn H là tập đoàn viên của Tập Đoàn muối Nam Bình, là đất Nhà nước quản lý (đất của tập Đoàn muối Nam Bình). Năm 1990, Tập đoàn muối Nam Bình tan rã và tự giải thể.

Ngày 02-3-1993, UBND tỉnh có Quyết định số 256/QĐ-UB về việc thu hồi 1.375.642 m² đất tại khu phố Nam Bình, Phường 11 để sử dụng vào mục đích khác, trong đó có diện tích đất Tập đoàn muối Nam Bình. Qua rà soát danh sách sử dụng đất thuộc Khu chế xuất Phước Thắng kèm theo Quyết định số 776/QĐ-UBT ngày 31-6-1993 của UBND tỉnh thì có tên “hoành”, với tổng diện tích 40.723m² thuộc số thứ tự gồm: Thửa 81 loại đất “mương” diện tích 955 m²; thửa 83 loại đất “ao+rm” diện tích 6.252m²; thửa 90 loại đất để trống ” diện tích 5.552m²; thửa 93 loại đất “đùng” diện tích: 10.864m²; thửa 94 loại đất “đùng” diện tích 17.100m². Toàn bộ diện tích đất này chưa được Nhà nước xét bồi thường hỗ trợ.

Diện tích 8.643,6m² đất ông (bà) T - T đang sử dụng thuộc một phần thửa 88 thuộc tờ bản đồ số 23, Phường 11 (nay Phường 12). Theo Sổ mục kê Phường 11 lập

ngày 01-6-1994 được duyệt ngày 20-8-1994 thì thửa đất 88, tờ bản đồ số 23, có diện tích 16.470 m² loại đất “đùn”, người sử dụng đất để trồng.

Ông Nguyễn Văn H nguyên là Tổ trưởng tổ dân phố số 4, là tập đoàn viên Tập đoàn muối Nam Bình, trong quá trình sử dụng đất chỉ có 5.000 m² đất ông H sang nhượng của bà Nguyễn Thị Kim A năm 1977 (có nguồn gốc đất do bà Anh khai phá từ năm 1969) đủ điều kiện bồi thường, tuy nhiên theo hồ sơ bồi thường thì diện tích đất này không thuộc diện tích 8.643,6m² đất ông H bán giấy tay cho ông (bà) Tâm - Tâm; phần còn lại là đất của Tập đoàn sản xuất muối Nam Bình mà ông H là tập đoàn viên.

Trong quá trình sử dụng đất, ông H không có giấy tờ chứng minh sử dụng đất thường xuyên, liên tục, không đăng ký kê khai với cơ quan Nhà nước, không đóng thuế đất hàng năm. Đến năm 1997, ông H bán đất cho các hộ dân trong đó có ông (bà) Tâm - Tâm thì ông H mới đóng thuế đất năm 1997 (biên lai thuế ghi truy thu thuế từ năm 1993-1997), các hộ dân tiếp tục đóng thuế năm 2013 (truy thu thuế từ năm 1998 - 2013) và đóng thuế năm 2015 khi làm thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ nhưng chưa được cơ quan Nhà nước xem xét (trả hồ sơ).

Ngày 27-10-2020, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5392/QĐ-UBND về việc thu hồi 8.643,6m² đất do ông (bà) Tâm - Tâm (Nguyễn Văn H) đang sử dụng và Quyết định số 5400/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện công trình Hạ tầng kỹ thuật khu tiêu thụ công nghiệp Phước Thắng, theo đó đất của ông (bà) T - T không đủ điều kiện bồi thường mà chỉ được hỗ trợ nuôi tôm với số tiền là 535.925.000 đồng.

Diện tích 8.643,6 m² đất thu hồi có nguồn gốc mua bán giấy tay từ ông H, chưa được cơ quan Nhà nước xác nhận. Ông H cũng không có giấy tờ chứng minh về nguồn gốc đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, không có giấy tờ chứng minh việc sử dụng đất thường xuyên, liên tục. Mặt khác, diện tích đất này đã có Quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh từ năm 1993 để thực hiện dự án Khu chế xuất Phước Thắng nhưng năm 1997, ông H vẫn chuyển nhượng cho nhiều hộ dân, trong đó có ông (bà) Tâm - Tâm là vi phạm quy định tại Điều 6 Luật Đất đai 1993 *“Ng nghiêm cấm việc lấn chiếm đất đai, chuyển quyền sử dụng đất trái phép, sử dụng đất không đúng mục đích được giao, hủy hoại đất”*.

Tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình Hạ tầng kỹ thuật khu tiêu thụ công nghiệp Phước Thắng, ông (bà) Tâm - Tâm không cung cấp được các giấy tờ pháp lý chứng minh về quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của Luật đất đai 2013 đối với diện tích 8.643,6m² đất . Do vậy, để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Mục 1, chương XI - Luật Đất đai năm 2013, quy định về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, UBND thành phố V xác định người đang sử dụng đất là ông (bà) Tâm - Tâm, phần mở trong ngoặc được ghi thêm

ông Nguyễn Văn H để ghi nhận nguồn gốc sử dụng nguồn gốc đất đối với diện tích đất thu hồi chưa được cấp Giấy CNQSDĐ và không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất là đúng theo quy định của pháp luật.

Từ những cơ sở nêu trên việc người khởi kiện yêu cầu xác định ông (bà) Tâm - Tâm là chủ thể duy nhất bị thu hồi đất, được bồi thường về đất và tất cả các khoản hỗ trợ do thu hồi đất là không có cơ sở. Do vậy, người bị kiện đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, bà T.

Tại tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố V thừa nhận đất của ông T, bà T bị thu hồi không đủ điều kiện cấp Giấy CNQSDĐ nhưng đủ điều kiện bồi thường theo khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định.

Ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Năm 1997, ông Nguyễn Văn H làm giấy tay sang nhượng cho ông Nguyễn Thanh T diện tích đất 12.499 m² tại tổ 14, Nam Bình, Phường 11 với giá 04 lượng vàng 95. Đất có nguồn gốc do vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim A khai phá năm 1969, sau đó sang nhượng cho ông Cao Văn K vào năm 1975. Năm 1976, ông K sang nhượng lại cho ông H. Diện tích đất theo đo đạc khi làm hồ sơ cấp Giấy CNQSDĐ là 16.002,6 m² thuộc thửa 88, số tờ bản đồ 22 tại Phường 12, thành phố V. Diện tích đất thu hồi là một phần thửa đất 88.

Ông H xác định ông đã sang nhượng thửa đất 88 cho vợ chồng ông T từ năm 1997, không còn liên quan gì. Trường hợp nhà nước thu hồi đất thì toàn bộ quyền lợi của người có đất bị thu hồi thuộc về vợ chồng ông T. Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng cơ bản đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật Tố tụng hành chính. Tuy nhiên, vụ án còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung: Diện tích đất 8.643,6 m² mà UBND thành phố V thu hồi của ông T, bà T theo Quyết định số 5392/QĐ-UBND có nguồn gốc do ông H mua lại của bà Kim Anh (khai phá năm 1969) và một phần ông H khai phá, sau đó chuyển nhượng bằng giấy viết tay cho ông T, bà T vào năm 1997 thuộc thửa đất 88, bản đồ năm 1993, không thuộc đất của tập đoàn muối Nam Bình. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, có thực hiện nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước. Do đó, diện tích đất của ông

T, bà T bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường giá trị quyền sử dụng đất. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Tại phiên tòa người khởi kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt và có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia phiên tòa. Căn cứ Điều 157 và Điều 158 Luật Tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2]. *Về đối tượng khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Quyết định số 5392/QĐ-UBND và Quyết định số 5400/QĐ-UBND cùng ngày 27-10-2020 của UBND thành phố V về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Ông T, bà T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 5392 và Quyết định 5400; buộc UBND thành phố V ban hành quyết định thu hồi đất đúng trình tự, thủ tục, đúng đối tượng, đồng thời xác định ông T, bà T là chủ thể duy nhất bị thu hồi đất và được bồi thường về đất cùng các khoản hỗ trợ do thu hồi đất nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính.

[3]. *Về thời hiệu khởi kiện*: Ngày 14-01-2021, đại diện theo ủy quyền của ông T, bà T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính.

[4]. *Về tính hợp pháp của Quyết định 5392 và Quyết định 5400*:

[4.1]. *Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành*:

Quyết định 5392 và Quyết định 5400 được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

[4.2]. *Về nội dung Quyết định 5392*:

Ngày 30-10-2017, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số 3169/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu tiểu thủ công nghiệp Phước Thắng phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm trên địa bàn

thành phố V (giai đoạn I), trong đó có diện tích đất 8.643,6 m² ông T, bà T đang sử dụng.

Ngày 15-3-2018, UBND thành phố V ban hành Thông báo thu hồi đất số 1354/TB-UBND. Đến ngày 30-3-2020, UBND thành phố V ban hành Thông báo số 1737/TB-UBND về việc điều chỉnh Thông báo thu hồi đất số 1354/TB-UBND để tiếp tục thực hiện dự án hạ tầng kỹ thuật khu tiểu thủ công nghiệp Phước Thắng.

Ngày 27-10-2020, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5392/QĐ-UBND về việc thu hồi 8.643,6 m² đất, số thửa 88, số tờ bản đồ 23 tại Phường 12 do ông (bà) Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Ngân T (Nguyễn Văn H) đang sử dụng để xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu tiểu thủ công nghiệp Phước Thắng.

Như vậy, UBND thành phố V thu hồi đất của ông T, bà T để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và việc thu hồi đất được thực hiện đúng trình tự, thủ tục luật định theo điểm d khoản 3 Điều 62, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

Diện tích đất thu hồi 8.643,6 m² có nguồn gốc do ông T, bà T nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn H vào năm 1997 đất bằng giấy viết tay nhưng không có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tại thời điểm thu hồi đất, ông T và bà Tâm cũng không cung cấp được một trong các loại giấy tờ về đất đai đối với phần đất bị thu hồi. Do đó, tại quyết định thu hồi đất, UBND thành phố V đã ghi tên người đang trực tiếp sử dụng đất là ông T, bà T và ghi thêm tên của người chuyển nhượng đất trong ngoặc là ông H. Việc ghi tên ông H là để rõ hơn về nguồn gốc đất, không ảnh hưởng đến quyền lợi của người bị thu hồi đất.

Do đó, ông T và bà Tâm khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 5392, buộc UBND thành phố V ban hành quyết định thu hồi đất đúng trình tự, thủ tục, đúng đối tượng là không có cơ sở để chấp nhận.

[4.3]. Về nội dung Quyết định 5400:

[4.3.1]. Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Năm 1991, ông H làm đơn xin khai thác sử dụng vùng nuôi tôm cá diện tích 23.868 m² tại khu vực ruộng muối tập đoàn muối Nam Bình ở tổ 14, Nam Bình, Phường 11, thành phố V. Đơn của ông H có xác nhận của UBND Phường 11.

Ngày 02-3-1993, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số 256/QĐ-UB về việc thu hồi 1.375.642 m² đất tại khu phố Nam Bình, Phường 11, thành phố V để sử dụng vào mục đích xây dựng khu chế xuất, trong đó có đất của ông H.

Ngày 31-6-1993, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số 776/QĐ-UBT về việc phê duyệt dự toán đền bù. Theo danh sách sử dụng đất thuộc

khu chế xuất Phước Thắng được bồi thường ban hành kèm theo Quyết định số 776/QĐ-UBT có tên “Hoành”, thửa 94 (nay là thửa đất số 88, tờ bản đồ số 22), loại đất “Đùng”, diện tích 17.100m². Tuy nhiên, thửa đất số 94 này nhà nước chưa thực hiện việc bồi thường hỗ trợ cho ông H và dự án cũng đã bị hủy theo Quyết định số 1317/QĐ-UB ngày 07-4-2008 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Năm 1994, ông H sang nhượng cho ông Nguyễn Văn D diện tích ao 11.369 m². Đến ngày 18-8-1997, ông H lập “Giấy sang nhượng công khai phá ao nuôi tôm”, sang nhượng cho ông T diện tích đất còn lại 12.499 m² với giá 04 lượng vàng 9,5 tuổi. Đất sang nhượng có đắp bờ rõ ràng, khi đo đạc thực tế thì diện tích là 16.002,6 m² thuộc thửa 88, tờ bản đồ số 22 tại Phường 12, thành phố V.

Quá trình sử dụng đất, ông H có đóng thuế vào năm 1997, diện tích 23.868 m², đóng truy thu từ năm 1993 đến năm 1997 (biên lai số 00431 ngày 03-9-1997). Ông T đóng thuế diện tích 12.499 m² vào năm 2013, đóng truy thu từ năm 1998 đến năm 2013 (biên lai số 033704 ngày 02-5-2013).

Theo xác nhận của UBND Phường 12, thành phố V thì ông H có tên theo Quyết định số 776/QĐ-UBT ngày 31-6-1993 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và ông Nguyễn Văn H sang nhượng đất cho ông T năm 1997 là một người. Quá trình sử dụng đất đến nay không xảy ra tranh chấp.

[4.3.2]. Về hồ sơ địa chính: Theo Sổ mục kê Phường 11 (nay là Phường 12) lập ngày 01-6-1994, được duyệt ngày 20-8-1994 thì thửa đất 88, tờ bản đồ số 23, diện tích 16.470 m² loại đất “đùn”, tên người sử dụng đất để trống.

[4.3.3]. Theo phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 16-7-2019 thì ông Nguyễn Thanh T đang trực tiếp nuôi tôm và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp (làm đùn, nuôi tôm).

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27-5-2021 thì hiện trạng đất thu hồi của ông T, bà T là đất đùn, có bờ bao quanh, đang nuôi tôm.

[4.3.4]. Như vậy, diện tích đất thu hồi 8.643,6 m² của ông T, bà T thuộc một phần thửa đất số 88, tờ bản đồ số 23 tại Phường 12, thành phố V là loại đất đùn, chưa được cấp Giấy CNQSDĐ nhưng ông T, bà T đã trực tiếp sử dụng đất để nuôi tôm trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, quá trình sử dụng đất ổn định, không xảy ra tranh chấp, có thực hiện nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước nên đủ điều kiện được bồi thường về đất theo khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013.

Khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013 quy định: “Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này thì được bồi thường đối với

diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật này”.

Do vậy, UBND thành phố V ban hành Quyết định 5400 với nội dung không bồi thường về đất là trái pháp luật.

[4.3.5]. Quá trình giải quyết vụ án, ông H xác định ông đã chuyển nhượng thửa đất số 88 cho vợ chồng ông T, không còn liên quan gì. Trường hợp nhà nước thu hồi thửa đất số 88 thì toàn bộ các quyền lợi của người có đất bị thu hồi sẽ thuộc về vợ chồng ông T, ông H không có ý kiến gì.

[5]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà T về việc hủy Quyết định số 5392, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà T về việc hủy Quyết định 5400. Buộc UBND thành phố V ban hành quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông T, bà T đối với diện tích đất 8.643,6 m² theo quy định của pháp luật. Ông T, bà T là chủ thể duy nhất được bồi thường về đất và các khoản hỗ trợ khi thu hồi đất.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

[6]. *Về chi phí tố tụng khác:* Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng, người khởi kiện tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

[7]. *Về án phí hành chính sơ thẩm:* Người bị kiện phải chịu án phí theo quy định của pháp luật do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính;

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 62; Điều 69; khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngân T về việc hủy Quyết định số 5392/QĐ-UBND ngày 27-10-2020 của Ủy ban nhân dân thành phố V.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngân T về việc hủy Quyết định số 5400/QĐ-UBND ngày 27-10-2020 của Ủy ban nhân dân thành phố V.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngân T đối với diện tích đất 8.643,6 m² thuộc thửa 88, tờ bản đồ số 23 tại Phường 12, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định của pháp luật (ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngân T là chủ thể duy nhất được bồi thường về đất và các khoản hỗ trợ do thu hồi đất).

3. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn), người khởi kiện tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

4. Án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân thành phố V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn).

Trả lại cho ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngân T 300.000 đồng (ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008262 ngày 04-02-2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ly